

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
TRẦN PHÚ  
Số: /TB-TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 12, ngày 28 tháng 6 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**V/V HỌC SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XẾP LỚP**  
**TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG LỚP 6**  
**NĂM HỌC: 2021 – 2022**

Căn cứ quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 – 2022;

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh của Ủy ban nhân dân Quận 12;

Căn cứ điều kiện vào lớp tiếng anh tăng cường theo kế hoạch tuyển sinh của Trường THCS Trần Phú;

Căn cứ kết quả học tập và kiểm tra hồ sơ do các trường tiểu học bàn giao có lớp tiếng anh tăng cường.

Nhà trường xin thông báo học sinh không đủ điều kiện học tiếng anh tăng cường lớp 6 năm học 2021 – 2022 với các nội dung cụ thể như sau:

- Học sinh có kết quả học tiếng anh tăng cường ở các lớp tiếng anh tăng cường của Trường tiểu học Nguyễn Thị Định và Trường tiểu học Thuận Kiều **có điểm một trong bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết dưới điểm 6.0 thì không đủ điều kiện để xếp vào lớp tiếng anh tăng cường.**

- **Lưu ý: từ ngày 1/7 đến hết ngày 15/7/2021 nếu bổ sung chứng chỉ Cambridge Flyer đạt 10/15 khiên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt 3/5 huy hiệu hoặc cấp độ Quickmarch 3/5 sao của PTE Young Learners vào thủ tục hồ sơ nhập học thì nhà trường sẽ xếp các em vào lớp tiếng anh tăng cường.**

- Kiểm tra hồ sơ học bạ tiếng anh tăng cường của trường tiểu học Thuận Kiều đã bàn giao, nhà trường đã lập danh sách học sinh không đủ điều kiện để xếp vào lớp tiếng anh tăng cường lớp 6 năm học 2021 – 2022(danh sách đính kèm)/.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thị Hiếu**

**DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XẾP VÀO LỚP**  
**TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG LỚP 6**  
**NĂM HỌC 2021 – 2022**

| STT | Họ và tên học sinh      | Lớp | Trường          | Điểm |     |     |      |
|-----|-------------------------|-----|-----------------|------|-----|-----|------|
|     |                         |     |                 | Nghe | Nói | Đọc | Viết |
| 1   | Tạ Gia Khang            | 5.1 | Nguyễn Thị Định | 7    | 5   | 5   | 6    |
| 2   | Lê Đăng Khoa            | 5.1 | Nguyễn Thị Định | 7    | 5   | 6   | 5    |
| 3   | Nguyễn Thị Thuỳ Linh    | 5.3 | Nguyễn Thị Định | 6    | 4   | 8   | 10   |
| 4   | Trần Phạm Ngọc Bảo Châu | 5.2 | Thuận Kiều      | -    | 5   | -   | 4    |
| 5   | Phạm An Phước           | 5.2 | Thuận Kiều      | -    | 5   | -   | -    |
| 6   | Nguyễn Thị Tâm Như      | 5.2 | Thuận Kiều      | 5    | -   | -   | -    |
| 7   | Trần Quốc Đạt           | 5.2 | Thuận Kiều      | -    | 5   | -   | -    |
| 8   | Phạm Phước Chương       | 5.2 | Thuận Kiều      | 5    | -   | -   | -    |
| 9   | Dương Gia Bảo           | 5.2 | Thuận Kiều      | 5    | 6   | 5   | -    |
| 10  | Nguyễn Vĩnh Khoa        | 5.1 | Thuận Kiều      | 3    | -   | 3   | 6    |
| 11  | Trần Nguyễn Ngọc Linh   | 5.1 | Thuận Kiều      | 5    | -   | 6   | -    |
| 12  | Nguyễn Văn Lộc          | 5.1 | Thuận Kiều      | 5    | 5   | -   | -    |
| 13  | Phạm Quốc Minh          | 5.1 | Thuận Kiều      | 4    | 5   | -   | 2    |
| 14  | Nguyễn Thị Kiều My      | 5.1 | Thuận Kiều      | 5    | 6   | -   | -    |
| 15  | Đinh Đăng Trọng Nghĩa   | 5.1 | Thuận Kiều      | 5    | 5   | -   | 5    |
| 16  | Lâm Lê Minh Nhật        | 5.1 | Thuận Kiều      | 3    | 5   | 6   | -    |
| 17  | Nguyễn Trần Thị Nhiều   | 5.1 | Thuận Kiều      | 4    | 5   | -   | 6    |
| 18  | Võ Minh Như Quỳnh       | 5.1 | Thuận Kiều      | 6    | 6   | 2   | 4    |
| 19  | Nguyễn Thanh Sang       | 5.1 | Thuận Kiều      | -    | 5   | -   | 6    |
| 20  | Trần Ngọc Thiện         | 5.1 | Thuận Kiều      | 5    | 5   | -   | 3    |
| 21  | Vũ Bích Trâm            | 5.1 | Thuận Kiều      | 5    | 5   | 6   | 4    |
| 22  | Nguyễn Thái Tường       | 5.1 | Thuận Kiều      | -    | -   | -   | 5    |
| 23  | Phạm Tường Vy           | 5.1 | Thuận Kiều      | 3    | -   | 6   | 5    |
| 24  | Đoàn Phạm Minh Phi      | 5.3 | Thuận Kiều      | -    | -   | -   | 5    |
| 25  | Vũ Cao Thiên Trang      | 5.3 | Thuận Kiều      | 5    | -   | -   | -    |
| 26  | Trần Thúy Vy            | 5.3 | Thuận Kiều      | 6    | 6   | -   | 4    |
| 27  | Hoàng Kim Đông Nghi     | 5.3 | Thuận Kiều      | 5    | 5   | -   | 4    |
| 28  | Nguyễn Thanh Nhi        | 5.3 | Thuận Kiều      | 6    | -   | -   | 4    |

|    |                            |     |            |   |   |   |   |
|----|----------------------------|-----|------------|---|---|---|---|
| 29 | Phạm Huỳnh Yến Nhi         | 5.3 | Thuận Kiều | - | 5 | 5 | 2 |
| 30 | Trần Lý Bảo Như            | 5.3 | Thuận Kiều | 5 | 6 | 6 | 2 |
| 31 | Nguyễn Ngọc Thảo Nhi       | 5.3 | Thuận Kiều | 6 | - | - | 4 |
| 32 | Huỳnh Gia Khôi             | 5.3 | Thuận Kiều |   | - | 6 | 5 |
| 33 | Văn Trọng Đan              | 5.3 | Thuận Kiều | 5 | - | - | 3 |
| 34 | Kiều Đức Anh               | 5.3 | Thuận Kiều | 4 | - | 6 | 7 |
| 35 | Nguyễn Duy                 | 5.3 | Thuận Kiều | 6 | - | - | 5 |
| 36 | Nguyễn Ngọc Thúy An        | 5.3 | Thuận Kiều | 4 | - | - | - |
| 37 | Lương Thị Quỳnh Anh        | 5.3 | Thuận Kiều | 6 | 1 | 6 | - |
| 38 | Lê Hà Uyên                 | 5.4 | Thuận Kiều | - | 5 | - | 2 |
| 39 | Phạm Thảo Như              | 5.4 | Thuận Kiều | 5 | 6 | - | 6 |
| 40 | Nguyễn Ngọc Nhi            | 5.4 | Thuận Kiều | - | - | 5 | - |
| 41 | Nguyễn Hoài Phương<br>Ngọc | 5.4 | Thuận Kiều | 5 | - | - | - |
| 42 | Lê Bảo Nam                 | 5.4 | Thuận Kiều | 5 | 6 |   | 4 |
| 43 | Trần Thảo My               | 5.4 | Thuận Kiều | 5 | - | 5 | 5 |
| 44 | Võ Hoàng Đăng Khải         | 5.4 | Thuận Kiều | 5 | - | 6 | - |
| 45 | Ngô Xuân Hoàng             | 5.4 | Thuận Kiều | 4 | - | - | - |
| 46 | Bùi Phan Gia Bảo           | 5.4 | Thuận Kiều | 5 | - | - | - |
| 47 | Bùi Lý Nhật Anh            | 5.4 | Thuận Kiều | 6 | 6 | 5 | - |
| 48 | Lê Nguyễn Tường Vy         | 5.5 | Thuận Kiều | - | 5 | 6 | - |
| 49 | Hồ Tường Vy                | 5.5 | Thuận Kiều | 6 | 4 | - | - |
| 50 | Nguyễn Ngọc Triết          | 5.5 | Thuận Kiều | - | 4 | - | - |
| 51 | Nguyễn Hồ Bảo Trân         | 5.5 | Thuận Kiều | - | 5 | - | 5 |
| 52 | Bùi Tấn Phát               | 5.5 | Thuận Kiều | - | - | - | 5 |
| 53 | Nguyễn Hữu Phát            | 5.5 | Thuận Kiều | - | - | - | 3 |
| 54 | Lê Thị Mai Thanh           | 5.5 | Thuận Kiều | - | 4 | - | - |
| 55 | Lê Khắc Gia Kiên           | 5.5 | Thuận Kiều | 5 | - | 6 | - |
| 56 | Trương Tấn Đạt             | 5.5 | Thuận Kiều | - | - | - | 1 |
| 57 | Đặng Trần Minh Hoàng       | 5.5 | Thuận Kiều | - | 5 | 6 | - |
| 58 | Trần Thế Hùng              | 5.5 | Thuận Kiều | - | 4 | - | 3 |
| 59 | Vũ Quốc Việt               | 5.1 | Thuận Kiều | - | 5 | - | 4 |
| 60 | Huỳnh Nguyễn Minh Trí      | 5.3 | Thuận Kiều | 5 | 4 | 4 | - |
| 61 | Nguyễn Phạm Khánh Vy       | 5.3 | Thuận Kiều | 5 | - | - | 5 |
| 62 | Giáp Thanh Thảo            | 5.5 | Thuận Kiều | - | 5 | - | - |

|    |                                  |     |                             |   |   |   |   |
|----|----------------------------------|-----|-----------------------------|---|---|---|---|
| 63 | <b>Nguyễn Mạnh Hùng</b>          | 5.5 | <b>Thuận Kiều</b>           | - | 4 | - | - |
| 64 | <b>Phan Hữu Đạt</b>              | 5.1 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 65 | <b>Nguyễn Gia Huy</b>            | 5.1 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 66 | <b>Nguyễn Đạt Lợi</b>            | 5.1 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 67 | <b>Phạm Hoàng Tâm</b>            | 5.1 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 68 | <b>Nguyễn Phan Anh Thư</b>       | 5.1 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 69 | <b>Nguyễn Thị Khánh Thy</b>      | 5.1 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 70 | <b>Châu Nguyễn Ngọc Trâm</b>     | 5.1 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 71 | <b>Huỳnh Ngọc Thịnh</b>          | 5.2 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 72 | <b>Nguyễn Hoàng Phương Trinh</b> | 5.2 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 73 | <b>Nguyễn Mộng Thủy Trúc</b>     | 5.2 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 74 | <b>Huỳnh Gia Bảo</b>             | 5.3 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 75 | <b>Phạm Thảo Nguyên</b>          | 5.3 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 76 | <b>Khiếu Hoàng Phát</b>          | 5.3 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 77 | <b>Phùng Xuân Hải</b>            | 5.4 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 78 | <b>Nguyễn Châu Thanh Hằng</b>    | 5.4 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 79 | <b>Nguyễn Thanh Gia Huy</b>      | 5.4 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 80 | <b>Phạm Trung Kiên</b>           | 5.4 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |
| 81 | <b>Huỳnh Gia Mạnh</b>            | 5.4 | <b>Nguyễn Thị Minh Khai</b> |   |   |   |   |

|    |                       |     |                      |  |  |  |  |
|----|-----------------------|-----|----------------------|--|--|--|--|
| 82 | Vũ Lê Hoàng Thiên     | 5.4 | Nguyễn Thị Minh Khai |  |  |  |  |
| 83 | Nguyễn Hữu Phương Anh | 5.5 | Nguyễn Thị Minh Khai |  |  |  |  |
| 84 | Huỳnh Y Đình          | 5.5 | Nguyễn Thị Minh Khai |  |  |  |  |
| 85 | Nguyễn Thị Thanh Hà   | 5.5 | Nguyễn Thị Minh Khai |  |  |  |  |
| 86 | Nguyễn Bảo Nhi        | 5.5 | Nguyễn Thị Minh Khai |  |  |  |  |
| 87 | Nguyễn Thị Tuyết Như  | 5.5 | Nguyễn Thị Minh Khai |  |  |  |  |
| 88 | Nguyễn Cửu Quốc       | 5.5 | Nguyễn Thị Minh Khai |  |  |  |  |
| 89 | Đặng Bảo Trang        | 5.5 | Nguyễn Thị Minh Khai |  |  |  |  |
| 90 | Lê Thị Yến Vi         | 5.5 | Nguyễn Thị Minh Khai |  |  |  |  |

**Tổng cộng danh sách có 90 em./.**